

THÔNG TƯ

Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo và xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo.

2. Thông tư này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Chế độ báo cáo trong nội bộ cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

c) Chế độ báo cáo mật theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hành chính nhà nước, công chức, viên chức có liên quan đến

việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo

Nguyên tắc, yêu cầu ban hành chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định tại Điều 5 và Điều 11 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

Chương II

NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Các loại báo cáo

1. Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ tại địa phương (Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).
2. Báo cáo kết quả hoạt động quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của bộ, ngành (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Báo cáo kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao (Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).
4. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” (Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 5. Đối tượng thực hiện báo cáo

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này.
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện báo cáo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này.
3. Khu Công nghệ cao do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện báo cáo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

Điều 6. Cơ quan nhận báo cáo

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan nhận các báo cáo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 7. Tần suất báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Tần suất báo cáo: Hằng năm
2. Thời gian chốt số liệu và thời hạn gửi báo cáo:
 - a) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;
 - b) Thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm.

Điều 8. Hình thức báo cáo, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo được thể hiện dưới một trong các hình thức sau đây:
 - a) Báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đóng dấu theo quy định và gửi bản mềm (file.doc) qua hệ thống thư điện tử;
 - b) Báo cáo bằng văn bản điện tử thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu, theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và được gửi, nhận thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2. Báo cáo được gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ bằng một trong các phương thức sau:
 - a) Gửi qua Trục liên thông văn bản quốc gia;
 - b) Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - c) Gửi qua hệ thống thư điện tử;
 - d) Gửi trực tiếp;
 - đ) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
 - e) Gửi qua fax.

Chương III

**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC THỰC HIỆN
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 10. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được xây dựng bảo đảm nguyên tắc quy định tại Điều 15 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và các yêu cầu về chức năng cơ bản quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ thường xuyên rà soát, đánh giá quy định về việc thực hiện chế độ báo cáo theo thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Công bố Danh mục báo cáo định kỳ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc tham mưu ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP;

b) Quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin:

a) Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Khoa học và Công nghệ, bảo đảm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

b) Thực hiện các biện pháp giám sát, biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2019.

2. Bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước gửi Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành: Thông tư số 16/2012/TT-BKHCN ngày 27 tháng 8 năm 2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 27/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường; Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2014 hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06 tháng 3 năm 2015 quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30 tháng 3 năm 2016 quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư.

3. Đối với các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ đang có hiệu lực thì hành được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

4. Các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trước khi Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục có hiệu lực thi hành đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bị bãi bỏ.

5. Các chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành sau khi Thông tư này có hiệu lực thì phải thực hiện theo các nguyên tắc, yêu cầu tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP và tại Thông tư này.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể vận dụng Thông tư này ban hành chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để yêu cầu cơ quan hành chính nhà nước cấp dưới và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.